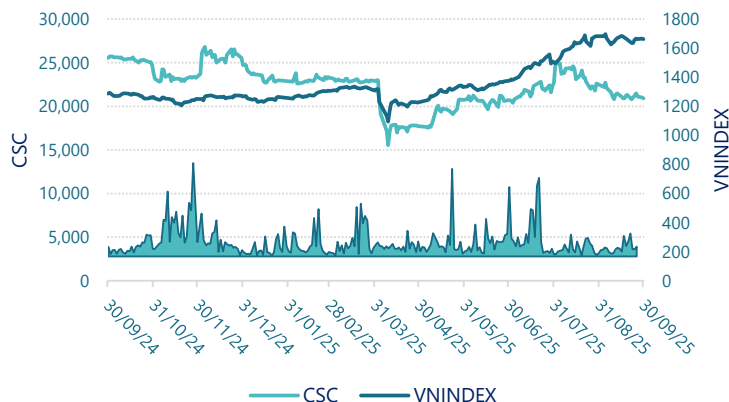


CTCP Tập đoàn Cotana (HNX: CSC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	20,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,806
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,538
SL cổ phiếu LH	41,149,264
KLGD BQ 20 phiên (CP)	36,170
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	860
P/E	24.9
EPS	840

DT thuần

Q3/25

215

tỷ VNĐ

QoQ: ▼35.0| -13.8%

YoY: ▼31.0| -12.4%

LN sau thuế

Q3/25

24.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 15.0| 159%

YoY: ▲ 16.5| 210%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

18.0%

+/- YoY: ▲ 12.8%

DT thuần

9T 2025

566

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 140| 32.8%

LN sau thuế

9T 2025

49.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 31.2| 174%

ROE

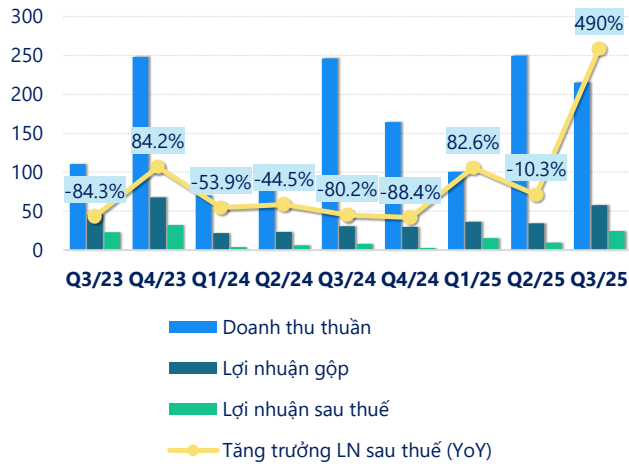
Q3/25

4.0%

+/- YoY: ▼ 0.1%

tỷ VNĐ

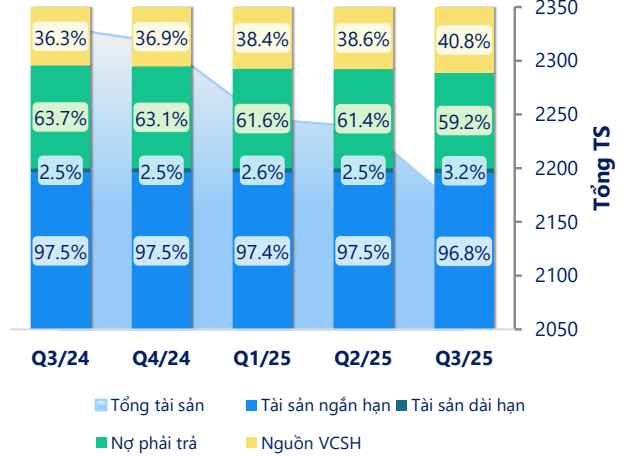
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

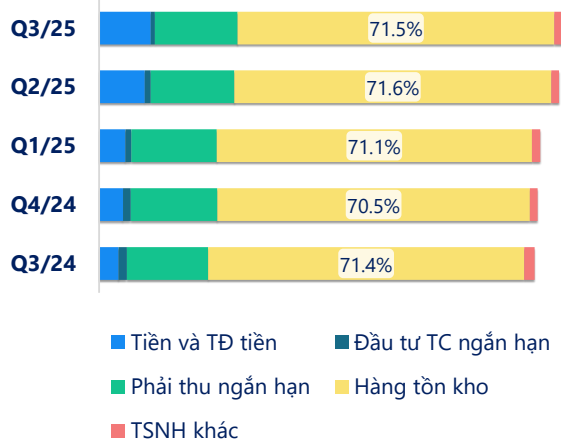
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



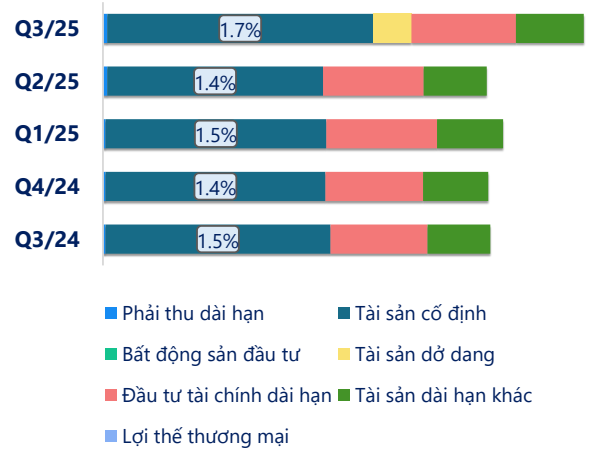
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

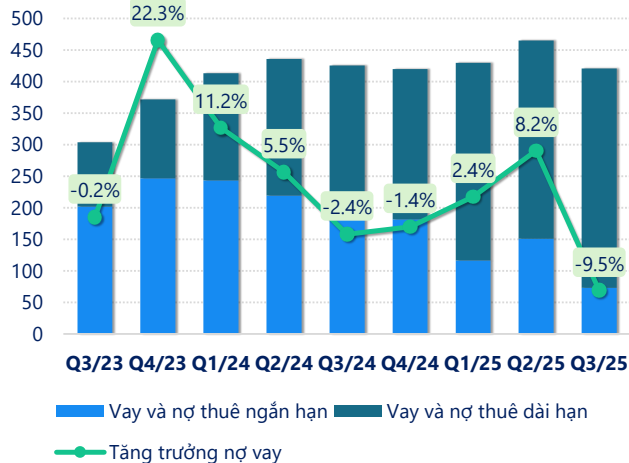
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

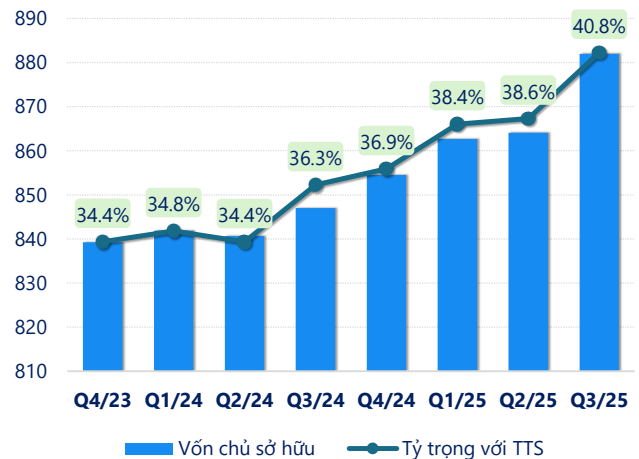
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

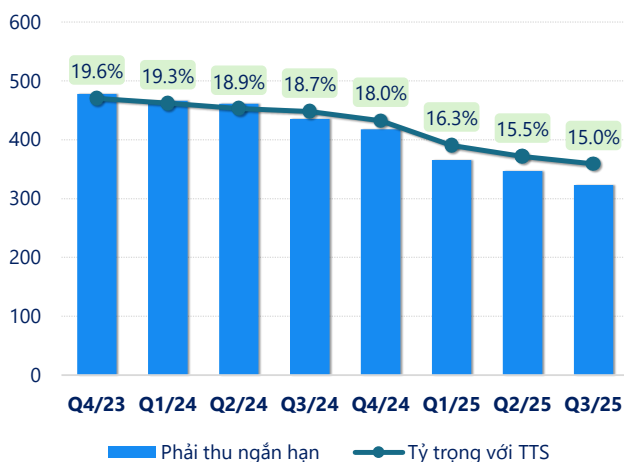
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



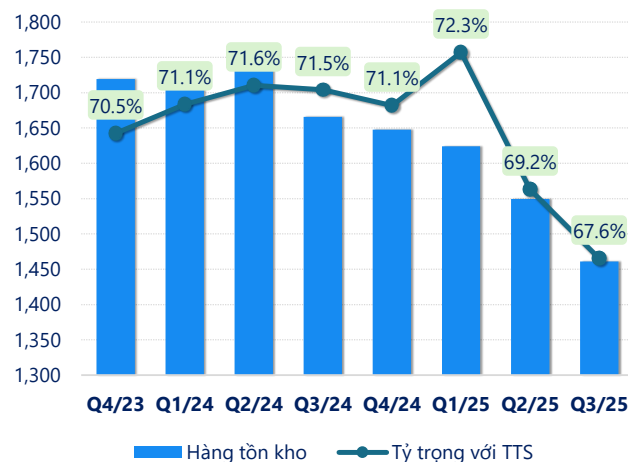
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


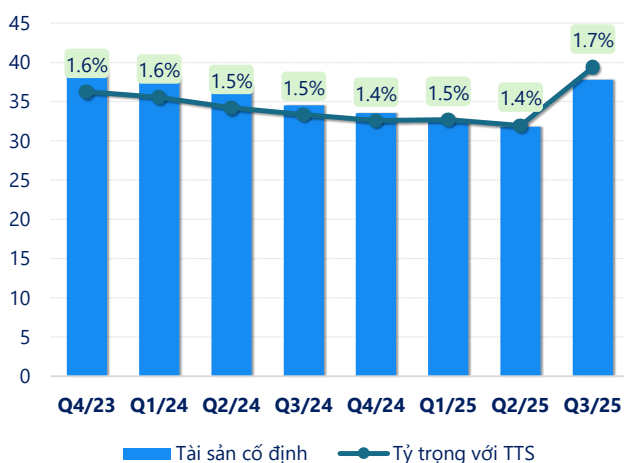
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


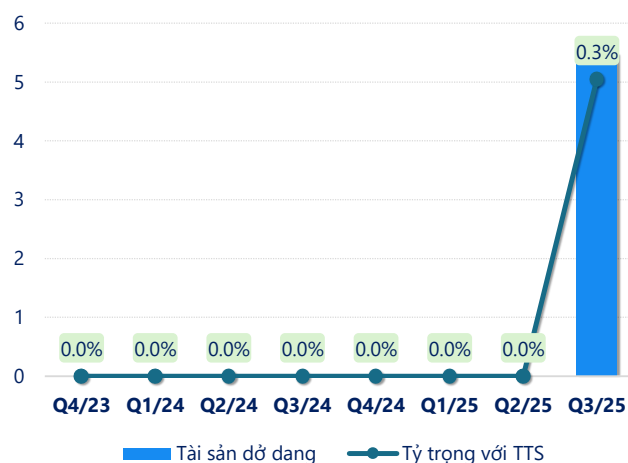
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

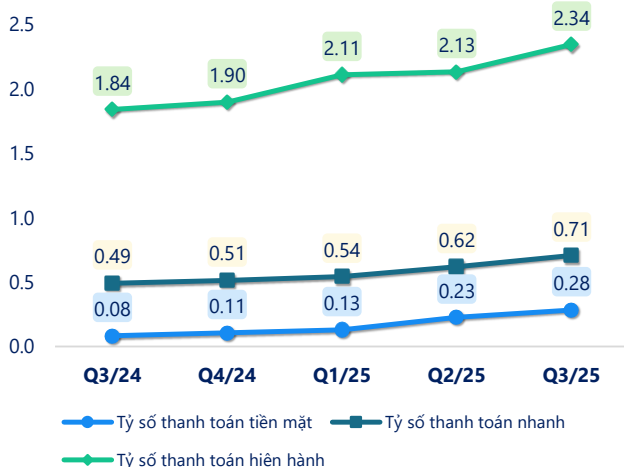
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

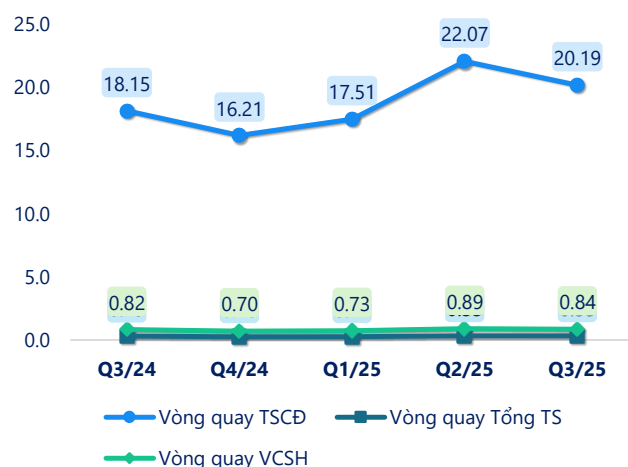
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	2,331	2,317	2,246	2,239	2,160
Tài sản ngắn hạn	2,272	2,258	2,187	2,182	2,091
Tiền và tương đương tiền	103	126	133	231	252
Đầu tư tài chính ngắn hạn	21.6	22.7	23.7	23.7	25.6
Phải thu ngắn hạn	435	418	365	347	323
Hàng tồn kho	1,666	1,648	1,624	1,549	1,461
Tài sản ngắn hạn khác	46.0	44.7	40.4	31.7	29.5
Tài sản dài hạn	59.4	58.8	59.2	56.5	68.3
Phải thu dài hạn	0.37	0.37	0.37	0.62	0.62
Tài sản cố định	34.5	33.5	32.6	31.8	37.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	5.46
Đầu tư tài chính dài hạn	14.9	14.9	16.4	14.9	14.9
Tài sản dài hạn khác	9.64	9.96	9.77	9.27	9.64
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,484	1,462	1,383	1,375	1,278
Nợ ngắn hạn	1,235	1,190	1,037	1,023	892
Vay và nợ thuê ngắn hạn	213	181	117	151	73.3
Phải trả người bán ngắn hạn	352	410	366	345	253
Nợ dài hạn	249	272	347	351	386
Vay và nợ thuê dài hạn	213	238	313	314	347
Nguồn vốn chủ sở hữu	847	854	863	864	882
Vốn chủ sở hữu	847	854	863	864	882
Vốn điều lệ	374	374	374	374	411
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)